

THÔNG BÁO
Điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học

Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 Học viện Báo chí và Tuyên truyền thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 theo các phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

1. Mức điểm trúng tuyển theo từng ngành/chuyên ngành

STT	Tên ngành	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng học bạ THPT		Điểm chuẩn xét tuyển kết hợp		
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	Điểm học bạ THPT	Tiêu chí phụ	Điểm SAT	Điểm IELTS (hoặc tương đương)	Tiêu chí phụ (TBC 5 kỳ THPT \geq)
1	Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế	D01	26.26	8.88	7.92	1200	6.5	7.66
		A01	25.76					
		A16	25.51					
		C15	26.76					
2	Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng - văn hóa	D01	25.52	8.26	8.12	1200	6.5	8.78
		A01	25.52					
		A16	25.52					
		C15	25.52					

STT	Tên ngành	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng học bạ THPT		Điểm chuẩn xét tuyển kết hợp		
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	Điểm học bạ THPT	Tiêu chí phụ	Điểm SAT	Điểm IELTS (hoặc tương đương)	Tiêu chí phụ
								(TBC 5 kỳ THPT >=)
3	Chính trị học, chuyên ngành Chính trị phát triển	D01	25.6	8.59	8.26	1200	6.5	7.4
		A01	25.6					
		A16	25.6					
		C15	25.6					
4	Quản lý nhà nước	D01	25.88	8.51	8.06	1200	6.5	8.62
		A01	25.88					
		A16	25.88					
		C15	25.88					
5	Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh	D01	25.45	8.52	7.66	1200	6.5	9.04
		A01	25.45					
		A16	25.45					
		C15	25.45					
6	Chính trị học, chuyên ngành Truyền thông chính sách	D01	25.85	8.72	8.4	1200	6.5	7.96
		A01	25.6					
		A16	25.6					
		C15	26.35					
7	Báo chí, chuyên ngành Báo in	D01	35.48	9.15	9	1200	6.5	7.8
		D72	34.98					
		D78	36.48					

STT	Tên ngành	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng học bạ THPT		Điểm chuẩn xét tuyển kết hợp		
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	Điểm học bạ THPT	Tiêu chí phụ	Điểm SAT	Điểm IELTS (hoặc tương đương)	Tiêu chí phụ
								(TBC 5 kỳ THPT >=)
8	Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí	D01	35.63	9.15	8.32	1200	6.5	8.14
		D72	35.13					
		D78	36.13					
9	Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh	D01	35.75	9.29	9	1200	6.5	7.54
		D72	35.25					
		D78	36.75					
10	Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình	D01	35.96	9.38	9.06	1200	6.5	8.6
		D72	35.46					
		D78	37.21					
11	Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình	D01	35.73	9.02	9	1200	6.5	7.94
		D72	35.48					
		D78	35.73					
12	Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử	D01	35.65	9.28	8.86	1200	6.5	7.82
		D72	35.15					
		D78	36.9					
13	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Thông tin đối ngoại	D01	35	9.24	9.08	1200	6.5	7.82
		A01	35					
		D72	34.5					
		D78	36					

STT	Tên ngành	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng học bạ THPT		Điểm chuẩn xét tuyển kết hợp		
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	Điểm học bạ THPT	Tiêu chí phụ	Điểm SAT	Điểm IELTS (hoặc tương đương)	Tiêu chí phụ
								(TBC 5 kỳ THPT \geq)
14	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế	D01	35.2	9.37	8.5	1200	6.5	8.44
		A01	35.2					
		D72	34.7					
		D78	36.2					
15	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu	D01	35.57	9.46	9.24	1280	7	8.62
		A01	35.57					
		D72	35.07					
		D78	36.57					
16	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	D01	36.45	9.52	9.54	1280	7	9.5
		A01	36.45					
		D72	35.95					
		D78	37.7					
17	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông marketing	D01	36.13	9.55	8.76	1280	7	8.86
		A01	36.13					
		D72	35.63					
		D78	37.38					
18	Ngôn ngữ Anh	D01	35.2	9.42	9.02	1280	7	7.56
		A01	35.2					
		D72	34.7					
		D78	35.95					

STT	Tên ngành	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng học bạ THPT		Điểm chuẩn xét tuyển kết hợp		
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	Điểm học bạ THPT	Tiêu chí phụ	Điểm SAT	Điểm IELTS (hoặc tương đương)	Tiêu chí phụ (TBC 5 kỳ THPT >=)
19	Triết học	D01	25.38	8.44	7.48	1200	6.5	8.34
		A01	25.38					
		A16	25.38					
		C15	25.38					
20	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D01	25.25	8.48	8.4	1200	6.5	8.56
		A01	25.25					
		A16	25.25					
		C15	25.25					
21	Lịch sử	C00	38.12	9.09	8.9	1200	6.5	7.58
		C03	36.12					
		C19	38.12					
		D14	36.12					
22	Kinh tế chính trị	D01	25.89	8.8	8.38	1200	6.5	8.06
		A01	25.89					
		A16	25.39					
		C15	26.39					
23	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	D01	25.18	8.52	8.48	1200	6.5	8.18
		A01	25.18					
		A16	24.68					
		C15	25.43					

STT	Tên ngành	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng học bạ THPT		Điểm chuẩn xét tuyển kết hợp		
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	Điểm học bạ THPT	Tiêu chí phụ	Điểm SAT	Điểm IELTS (hoặc tương đương)	Tiêu chí phụ
								(TBC 5 kỳ THPT \geq)
24	Xã hội học	D01	25.8	8.84	8.32	1200	6.5	8.22
		A01	25.8					
		A16	25.3					
		C15	26.3					
25	Truyền thông đa phương tiện	D01	27	9.45	8.92	1360	7.5	8.7
		A01	27					
		A16	26.5					
		C15	28.25					
26	Truyền thông đại chúng	D01	26.8	9.41	9.2	1200	6.5	8.9
		A01	26.8					
		A16	26.3					
		C15	28.05					
27	Truyền thông quốc tế	D01	35.9	9.5	9.34	1280	7	8.8
		A01	35.9					
		D72	35.4					
		D78	37.15					
28	Quảng cáo	D01	35.58	9.4	9.16	1200	6.5	8.88
		A01	35.58					
		D72	35.08					
		D78	36.08					

STT	Tên ngành	Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT		Điểm chuẩn xét tuyển bằng học bạ THPT		Điểm chuẩn xét tuyển kết hợp		
		Mã tổ hợp	Điểm chuẩn	Điểm học bạ THPT	Tiêu chí phụ	Điểm SAT	Điểm IELTS (hoặc tương đương)	Tiêu chí phụ (TBC 5 kỳ THPT \geq)
29	Quản lý công	D01	25.61	8.5	7.66	1200	6.5	8.14
		A01	25.61					
		A16	25.61					
		C15	25.61					
30	Công tác xã hội	D01	25.7	8.79	8.12	1200	6.5	7.6
		A01	25.7					
		A16	25.2					
		C15	26.2					
31	Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản	D01	26.2	9.04	8.38	1200	6.5	7.88
		A01	26.2					
		A16	25.7					
		C15	26.7					
32	Xuất bản, chuyên ngành Xuất bản điện tử	D01	26.27	9.02	8.02	1200	6.5	7.68
		A01	26.27					
		A16	25.77					
		C15	26.77					

2. Xác định điểm trúng tuyển

a. Xét tuyển bằng phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT

- Đối với tổ hợp môn không có môn chính (thang điểm 30)

Điểm xét = [Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3] + Điểm ưu tiên khu vực/đối tượng.

- Đối với tổ hợp môn có môn chính (thang điểm 40)

Điểm xét = [Điểm môn chính x 2 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3] + Điểm ưu tiên khu vực/đối tượng x 4/3 (làm tròn đến 2 chữ số thập phân).

b. Xét tuyển bằng phương thức xét học bạ THPT

- Ngành Báo chí: **Điểm xét** = (A + B*2)/3 + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).
- Các ngành nhóm 2: **Điểm xét** = A + Điểm ưu tiên (nếu có).
- Nhóm 3 ngành Lịch sử: **Điểm xét** = (A + C*2)/3 + Điểm ưu tiên (nếu có).
- Các ngành nhóm 4: **Điểm xét** = (A + D*2)/3 + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó:

A = Điểm TBC 5 học kỳ THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

B = Điểm TBC 5 học kỳ môn Ngữ văn THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

C = Điểm TBC 5 học kỳ môn Lịch sử THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

D = Điểm TBC 5 học kỳ môn Tiếng Anh THPT (không tính học kỳ II năm lớp 12).

c. Xét tuyển bằng phương thức kết hợp (Chứng chỉ quốc tế và học bạ THPT)

Điểm xét: Tính theo điểm chứng chỉ quốc tế từ cao xuống thấp (IELTS hoặc tương đương phải đạt từ 6.5 trở lên; SAT phải đạt từ 1200/1600 trở lên), trường hợp số lượng thí sinh trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu sẽ lấy điểm TBC 5 học kỳ THPT làm tiêu chí phụ.

d. Lưu ý: Xác định điểm ưu tiên xét tuyển thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng điểm không vượt quá 30 điểm đối với các tổ hợp không nhân hệ số; không vượt quá 40 điểm đối với các tổ hợp nhân hệ số và điểm xét tuyển học bạ không vượt quá 10.

3. Danh sách thí sinh trúng tuyển: thí sinh tra cứu thông tin trúng tuyển tại địa chỉ

<https://daotaoajc.edu.vn/> vào mục “kết quả tuyển sinh” để tra cứu thông tin

(Học viện chỉ đưa danh sách những thí sinh trúng tuyển)

4. Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học và chuẩn bị hồ sơ nhập học

4.1. Xác nhận nhập học trực tuyến: Trên cổng thông tin <https://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> từ ngày 18/8/2024 đến trước 17h00 ngày 27/8/2024.

4.2. Thí sinh chỉ nhận được Giấy báo nhập học sau khi đã hoàn thành thủ tục xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3. Thủ tục nhập học trực tiếp tại Học viện vào ngày 7/9/2024

- Chuẩn bị hồ sơ như trong Giấy báo nhập học yêu cầu.

- Chuyển khoản học phí tạm thu kỳ I năm học 2024 - 2025:

+ Các ngành, chuyên ngành hệ chuẩn: 10.138.000đ (Mười triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

+ Các ngành/chuyên ngành Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh: Miễn học phí.

+ Các ngành, chuyên ngành: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp, Quảng cáo, Xã hội học, Thông tin đối ngoại, Quan hệ chính trị và Truyền thông quốc tế, Ngôn ngữ Anh, Biên tập xuất bản: 16.614.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng).

- Tài khoản nhận học phí tạm thu:

Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long.

Số tài khoản: 1022245028.

(Có hướng dẫn và Link nộp học phí trực tuyến trong Email thông báo trúng tuyển). Điện thoại: 0983858619

4.4. Gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT (không nhận bản sao công chứng) theo địa chỉ:

Ban Quản lý Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

36 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 0972454027

Sau 17h00 ngày 27/8/2024, thí sinh trúng tuyển không xác nhận nhập học coi như từ chối nhập học.

4.5. Sinh viên khóa mới (K44) bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập năm học 2024 – 2025 từ ngày 9/9/2024.

5. Học viện có thể xét tuyển đợt bổ sung nếu số thí sinh nhập học chưa đủ chỉ tiêu.

Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0912613584/ 0915054888/ 0972454027/ 0901732668 trong giờ hành chính.

Nơi nhận:

- HVCTQG HCM (b/c)
- Bộ GDĐT (b/c)
- Hội đồng trường,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Các đơn vị,
- Công TTĐT Học viện,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC, CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Minh Sơn